

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2022/DS-PT

Ngày: 28/4/2022

V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Bình;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tất Nam;

Ông Nguyễn Thế Lê.

***T6 ký phiên tòa:*** Ông Phạm Thành Trung- T6 ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 147/2021/TLPT-HC ngày 09 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản” do có Kng cáo của người có quyền lợi N vụ liên quan đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2020/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3355/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:***

1.1. Bà Lê Thị Ng (tên gọi Kc là Ng ), sinh năm 1945, ĐKKHKT: Thôn AT, xã AL, huyện TN, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn SP, xã AL, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

1.2. Bà Lê Thị Ng 1, sinh năm 1941, nơi cư trú: Thôn AT, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Ng 1 là bà Lê Thị Ng (theo Giấy ủy quyền ngày 27/4/2022); có mặt.

1.3. Bà Lê Thị Nh, sinh năm 1950, nơi cư trú: Thôn Nam, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của các bà Lê Thị Ng, Lê Thị Ng 1, Lê Thị Nh là luật sư Tô Kiều H; vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Ông Lê Viết C, sinh năm 1955, ĐKKHKT: Thôn TNT, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng, hiện trú tại: Xóm Thầu Đâu, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**3. Người có quyền lợi, N vụ liên quan:**

3.1. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1970; ông Lê Văn T2, sinh năm 1973; ông Lê Văn T3, sinh năm 1975; ông Lê Văn T4, sinh năm 1979; ông Lê Văn K1, sinh năm 1983; ông Lê Văn K, sinh năm 1988; đều trú tại: Thôn AT, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Các ông T1, ông T2, ông T3, ông T4, ông K1 và ông K đều vắng mặt và đều uỷ quyền cho bà Lê Thị Ng (theo Giấy uỷ quyền ngày 27/4/2022).

3.2. Ông Lê Viết V, sinh năm 1960 và vợ là bà Lê Thị T6, sinh năm 1960 nguyên quán: Thôn TG, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; hiện đang cư trú tại Vương quốc Anh; ông V, bà T6 đều vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Lê Thúy Q, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 6/26 CB, HA, Hải Phòng; có mặt.

3.3. Bà Vũ Thị TH1, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn TNT, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.4. Ông Lê Văn H2, sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn TG, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Lê Thị Ng, bà Lê Thị Nh, bà Lê Thị Ng 1 trình bày:* Cụ Lê Viết V và cụ Bùi Thị N kết hôn năm 1940; các cụ có 4 người con chung gồm: Bà Lê Thị Ng 1, bà Lê Thị Ng, Lê Thị Nh, bà Lê Thị NH3 (đã chết năm 2000), bà NH3 có chồng là ông Lê Văn THn, các con là: Lê Văn T1, Lê Văn T2, Lê Văn T3, Lê Văn T4, Lê Văn K1, Lê Văn K. Ngoài ra, các cụ không có con nuôi nào Kc; cụ V và cụ N đã tạo lập được khối tài sản chung là diện tích 870m<sup>2</sup> tại thửa số 451, tờ bản đồ số 05 tại xóm Thầu Đâu, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Cụ V chết năm 1981, cụ N chết năm 1985 đều không để lại di chúc; nhà và đất được chị em các bà sử dụng để thờ cúng. Năm 1981, ông Lê Viết V là con cụ Phạm Thị H đến nhận là con riêng của cụ Lê Viết V và xin được lo việc thờ cúng cùng các chị em. Thời gian đầu tình cảm chị em hòa thuận, cùng nhau bàn bạc, đóng góp xây dựng căn nhà thờ để thờ cúng bố mẹ, đồng thời giao cho ông Lê Viết C là cháu đích tôn của cụ V trông coi.

Cuối năm 2018, ông Lê Viết V từ nước ngoài trở về đã gọi người đến đo đất để bán và đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Phạm Thị H (mẹ đẻ ông V). Lúc này, các bà Ng , bà Nhắm, bà Nghĩ mới biết đất nêu trên của bố mẹ để lại đã được Ủy ban nhân dân(UBND) huyện TN cấp cho cụ Phạm Thị H từ năm 2005. Các bà Nghĩ, bà Ng , bà Nhắm đã khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ Phạm Thị H. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2019/HC-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD640301 số vào sổ 0912/H/2005 diện tích 870m<sup>2</sup> tại thửa số 451, tờ bản đồ số 05, tại địa chỉ thôn Thầu Đâu, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng mang tên cụ Phạm Thị H do UBND huyện TN cấp ngày 23/9/2005; Bản án nêu trên hiện đã có hiệu lực pháp luật. Hiện không có căn cứ ông Lê Viết V là con riêng của cụ Lê Viết V song vì hiện nay ông V cố tình không về để giải quyết nên tại phiên tòa các nguyên đơn nhất trí theo giấy K1i sinh của UBND huyện TN đều thừa nhận ông V là con riêng của cụ Lê Viết V; nếu sau này có căn cứ ông V không phải con của cụ V, các bà sẽ khởi kiện vụ án Kc. Đối với cụ H không phải là vợ của cụ V vì cụ H không chung sống và ở trên đất của cụ V và cụ N ngày nào; cụ H sống cùng chồng là cụ Bùi Đỗ Xe ở thôn TG, xã DQ và chết tại đây. Gia đình không biết việc cụ V có quan hệ tình cảm với cụ H và chưa bao giờ chấp nhận cụ H là vợ cụ V.

Đối với công trình xây dựng trên đất: Năm 2005, ông Lê Văn T1 là cháu ngoại cụ V có xây nhà và ở trên thửa đất trên; sau đó đến năm 2007, khi phá nhà ông T1 xây đi để xây nhà mới thì ông T1 không yêu cầu bồi T6 ông. Năm 2007, các bà Nghĩ, bà Ng , bà Nhắm, mỗi người đóng góp 200 triệu đồng đưa cho ông V để xây dựng căn nhà chính làm nơi thờ cúng. Nhà mái bằng 3 gian và công trình phụ do ông C xây dựng để ở và quản lý trông coi di sản. Ông V thỉnh thoảng vẫn liên lạc về với ông C, nhưng không nói cho các bà biết địa chỉ tại Anh quốc. Các bà Nghĩ, bà Ngắm, bà Nhắm, đề nghị ông C bàn giao lại nhà đất cho các bà, nhưng ông C chưa bàn giao vì ông C nói còn chờ ý kiến của ông V.

Yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ là cụ Lê Viết V và cụ Bùi Thị N để lại là quyền sử dụng diện tích 870m<sup>2</sup> số đo hiện trạng là 900m<sup>2</sup> tại thửa đất số 451 tờ bản đồ số 05 địa chỉ thôn Thầu Đâu, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Các nguyên đơn đề nghị được nhận chung diện tích đất để làm nhà thờ cúng chung. Đối với ngôi nhà trên đất do các nguyên đơn và ông V góp tiền, công sức xây dựng, nguyên đơn thanh toán giá trị trả lại cho ông V theo phần của ông V bỏ ra; thanh toán tiền công sức, thù lao cho ông Lê Viết C đã quản lý trông coi giữ gìn di sản và thanh toán tiền xây dựng nhà và công trình phụ Kc cho ông C và bà TH1 theo quy định của pháp luật.

*Bị đơn ông Lê Viết C trình bày:* Ông C là họ hàng với các bà Nghĩ bà Ng , bà Nhắm; ông là cháu đích tôn của cụ Lê Viết V. Diện tích 870m<sup>2</sup> tại thửa số

451, tờ bản đồ số 05 tại xóm Thầu Dầu, xã DQ, huyện TN là của cụ V và cụ N. Ông C ở với các cụ từ bé vì cụ V không có con trai nên muốn nuôi ông C để trông coi đất đến năm 18 tuổi thì đi bộ đội. Sau khi đi bộ đội về thì ông C ở với bố mẹ, chứ không ở trên diện tích đất đang tranh chấp. Đến năm 2007, các bà Nghĩ, bà Ng, bà Nhâm, gọi ông C về trông coi nhà đất; gia đình ông C ở và đóng thuế đất từ năm 2007 đến nay. Diện tích đất từ trước đến nay vẫn giữ nguyên hiện trạng, hàng năm mọi người vẫn thờ cúng ở diện tích đất này; trên diện tích đất có 01 nhà chính một tầng, lợp ngói và công trình phụ có diện tích 200m<sup>2</sup> do bà Nghĩ, bà Ng, bà Nhâm và ông V bỏ tiền xây từ năm 2007. Sau đó, ông C thay đổi lời K1i tiền xây nhà chính là ông V gửi về cho ông H2 (em vợ ông V) để ông H2 mua nguyên vật liệu, trả tiền thợ xây; các nguyên đơn có đóng góp gì không thì ông C không nắm được. Đối với căn nhà phía dưới khoảng hơn 70m<sup>2</sup> xây năm 2008 bao gồm: công trình nhà ở, nhà vệ sinh, bể nước, tường bao, sân công, lán tôn, nhà kho, bể phun nước là do vợ chồng ông C bà TH1 bỏ tiền ra xây, ông C bà TH1 không nhớ đã xây hết bao nhiêu tiền. Khi ông C xây các nguyên đơn cũng đồng ý; việc xây nhà phía dưới, ông C thuê ông Nguyễn Văn Dược ở cùng xóm xây dựng hộ. Trước đây ông V vẫn thỉnh thoảng liên lạc về với ông C, nhưng ông V không nói địa chỉ cụ thể của ông V tại Anh quốc. Khi ông V về Việt Nam ông V không ở nhà đất tranh chấp; từ khi xảy ra tranh chấp ông V không liên lạc với ông C nữa.

Việc nguyên đơn đề nghị chia di sản thừa kế thì ông C nhất trí trả lại đất cho nguyên đơn để chia thừa kế nhưng phải chờ ông V về mới giải quyết. Nếu Tòa giải quyết ông C đề nghị Tòa án xem xét công sức quản lý trông coi đất của ông C từ năm 2007 cho đến nay, và đề nghị trả lại cho ông C số tiền mà vợ chồng ông đã bỏ ra xây dựng các công trình trên đất theo quy định của pháp luật. Đối với cây cối trên đất và đồ thờ là của ông C trồng và mua sắm, ông C không yêu cầu các thừa kế phải trả.

*Người có quyền lợi N vụ liên quan:*

Bà Vũ Thị TH1 (vợ ông Lê Viết C) nhất trí với lời K1i của ông C.

Ông Lê Văn H2 trình bày: Ông H2 là em trai của bà Lê Thị T6 (vợ ông Lê Viết V). Năm 2007, bà T6, ông V về Việt Nam có nhờ ông H2 xây dựng giúp căn nhà trên diện tích đất tranh chấp gồm: Nhà trên hướng Nam, nhà dưới theo hướng Đông, nhà vệ sinh, tường bao, sân, công, bể nước phía sau. Xây hết 1 tỷ 300 triệu đồng là tiền của ông V, bà T6 đưa cho ông H2; còn đối với mái tôn là người Kc làm. Cụ Phạm Thị H là mẹ đẻ của ông V đã chết, bố ông V là cụ Lê Viết V đã chết. Ông V và bà T6 hiện đang sinh sống tại Anh quốc, ông H2 không biết địa chỉ cụ thể; nhưng ông V, bà T6 vẫn thường xuyên liên lạc về với ông H2 qua mạng xã hội. Qua trao đổi qua mạng xã hội, ông V và bà T6 cũng biết được việc các nguyên đơn đang khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế.

Các ông Lê Văn T1, Lê Văn T2, Lê Văn T3, Lê Văn T4, Lê Văn K1 thống nhất trình bày: Các ông là con của bà Lê Thị NH3 và ông Lê Văn THn; bà NH3 chết năm 2000, hiện ông THn đã đi lấy vợ Kc. Ngoài ra, ông THn và bà NH3 không có con riêng, con nuôi nào Kc. Quan điểm của các ông đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của các nguyên đơn: đề nghị chia theo quy định của pháp luật. Tại đơn đề nghị ngày 29/12/2020 các ông T1, T2, T4, K1, K đề nghị để lại 400m<sup>2</sup> làm nhà thờ, phần đất các anh được nhận thừa kế sẽ nhận bằng tiền.

Ông Nguyễn Văn THn trình bày: Ông THn là chồng bà Nhất; ông THn và bà NH3 có chung với nhau 6 người con: Lê Văn T1, Lê Văn T2, Lê Văn T3, Lê Văn T4, Lê Văn K1, Lê Văn K. Đối với diện tích đất mà vợ ông là bà NH3 được hưởng thừa kế ông từ chối nhận và nhượng lại mọi quyền lợi cho các con của ông với bà Nhất; ông từ chối tham gia tố tụng.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn Được trình bày: Ông Lê Viết C có nhờ ông Được xây dựng các công trình trên đất tranh chấp từ năm 2008 bao gồm: 01 nhà mái bằng khoảng 50m<sup>2</sup> bao gồm cả bếp, lán, nhà vệ sinh bên ngoài, bể nước, tường bao, 01 gian mái bằng để máy phát điện, sân đổ bê tông, lát gạch, và toàn bộ cây cối trên đất, bể nước cảnh. Tiền công xây dựng là do vợ chồng ông C, và bà TH1 trả cho ông Được; còn các công trình xây dựng Kc ông Được không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2020/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 92, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 1 Điều 470, Điều 227, Điều 228, Điều 147, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 609, Điều 613, Điều 620, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 654 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban T6 ông vụ Quốc hội quy định về mức thu, chi, miễn, giảm án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Xác định diện tích 900m<sup>2</sup> đất tại thửa số 451 tờ bản đồ số 05 tại thôn Thầu Đậu, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng là di sản của cụ Lê Viết V và cụ Bùi Thị N để lại chia theo quy định của pháp luật;

Giao cho bà Lê Thị Ng 1, bà Lê Thị Ng (tức Ng), bà Lê Thị Nh được quyền quản lý, sử dụng diện tích 900m<sup>2</sup> đất tại thửa 451 tờ bản đồ số 05, địa chỉ thôn Thầu Đậu, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng trên đất có 01 nhà hình chữ U khung chịu lực kiên cố, cửa gỗ mái bằng, lợp ngói đỏ công trình phụ trong nhà (nhà tắm, vệ sinh), 01 nhà mái bằng 3 gian cửa chính gỗ, cửa nhôm kính, 01 lán tôn mạ màu làm bếp và mái tôn trước nhà 3 gian và sau nhà chính chữ U, bể nước sau nhà chính chữ U, và bể nước ngầm trong nhà mái tôn, sân

cổng, tường bao và toàn bộ vật kiến trúc, cây trồng, công trình phụ Kc trên đất; vị trí mốc giới, kích T6 ở thửa đất (có sơ đồ kèm theo).

Bà Lê Thị Ng 1, bà Lê Thị Ng (tức Ng ), bà Lê Thị Nh phải thanh toán trả cho ông Lê Viết V số tiền 1.125.000.000đ trị giá 75m<sup>2</sup> đất, trả cho ông Lê Viết V, bà Lê Thị T6 số tiền 581.560.000đ, tổng cộng là: 1.707.160.000đ (một tỷ bảy trăm lẻ bảy triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng); thanh toán trả cho anh Lê Văn T1, anh Lê Văn T2, anh Lê Văn T3, anh Lê Văn T4, anh Lê Văn K1, Lê Văn K số tiền 3.093.750.000đ (Ba tỉ không trăm chín mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) trị giá 206,25m<sup>2</sup> đất.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Lê Thị Ng 1, bà Lê Thị Ng (tức Ng ), bà Lê Thị Nh với ông Lê Viết C và bà Vũ Thị TH1: Bà Lê Thị Ng 1, bà Lê Thị Ng (tức Ng ), bà Lê Thị Nh thanh toán trả cho ông Lê Viết C và bà Vũ Thị TH1 số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền Kng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 01/02/2021, người có quyền lợi N vụ liên quan là ông Lê Viết V và bà Lê Thị T6 Kng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Bà Lê Thúy Q - người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi N vụ liên quan có Kng cáo là ông Lê Viết V giữ nguyên yêu cầu Kng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm định giá lại giá đất vì hiện tại giá đất đã thay đổi so với thời điểm xét xử sơ thẩm.

Các nguyên đơn bà Lê Thị Ng ( Ng ), Lê Thị Nh và bị đơn ông Lê Viết C đều đề nghị không chấp nhận Kng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Bản án sơ thẩm đã xác định di sản thừa kế, hàng thừa kế theo sự thống nhất của các đương sự tại thời điểm giải quyết vụ án và thực hiện chia thừa kế theo pháp luật cho các đương sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận Kng cáo của ông Lê Viết V, bà Lê Thị T6, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời K1i của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kng cáo của ông Lê Viết V và bà Lê Thị T6 trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Lê Thị Ng 1, bà Lê Thị Ng , bà Lê Thị Nhắm và yêu cầu Kng cáo của ông Lê Viết V, bà Lê Thị T6:

[2.1] Xác định di sản thừa kế: Căn cứ hồ sơ vụ án cùng lời K1i của các đương sự thì diện tích 890m<sup>2</sup> số đo hiện trạng là 900m<sup>2</sup>, thửa số 451 tờ bản đồ số 05 địa chỉ thôn Thầu Đầu, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng có nguồn gốc là của vợ chồng cụ Lê Viết V (chết năm 1981) và cụ Bùi Thị N(chết năm 1985) để lại. Năm 2005, ông Lê Văn T1 là cháu ngoại cụ V có xây nhà và ở trên đất. Đến năm 2007, các bà Ng , bà Nhắm, bà Nghĩ và ông V thống nhất phá nhà ông T1 xây để xây dựng căn nhà cấp 4 để thờ cúng bố mẹ, đồng thời giao cho ông Lê Viết C (là cháu họ của cụ V) trông coi; ông T1 không yêu cầu bồi T6ờng căn nhà bị phá. Ngày 23/9/2005, UBND huyện TN đã cấp GCNQSDĐ số AD640301 cho cụ Phạm Thị H (là mẹ đẻ của ông Lê Viết V) toàn bộ diện tích đất nêu trên của cụ V, cụ N. Ngày 22/10/2006, cụ Phạm Thị H lập Giấy di chúc có xác nhận của UBND xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng có nội dung để lại toàn bộ diện tích đất ở nêu trên cho con đẻ là Lê Viết V. Cuối năm 2018, ông Lê Viết V từ nước ngoài trở về, gọi người đến đo đất để bán và đưa ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Phạm Thị H. Lúc này, các bà Ng , bà Nhắm, bà Nghĩ mới biết mảnh đất trên của bố mẹ để lại đã được UBND huyện TN cấp cho cụ Phạm Thị H từ năm 2005. Các bà Nghĩ, bà Ng , bà Nhắm đã khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ H. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2019/HC-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD640301 số vào sổ 0912/H/2005, diện tích 870m<sup>2</sup> tại thửa số 451, tờ bản đồ số 05, tại địa chỉ thôn Thầu Đầu, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng mang tên cụ Phạm Thị H do UBND huyện TN cấp ngày 23/9/2005. Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2019/HC-ST hiện đã có hiệu lực pháp luật; do đó, di chúc ngày 22/10/2006 của cụ Phạm Thị H lập không còn giá trị pháp lý.

Như vậy, di sản của cụ Lê Viết V và cụ Bùi Thị N để lại là diện tích 900m<sup>2</sup>, thửa số 451 tờ bản đồ số 05 địa chỉ thôn Thầu Đầu, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Theo sơ đồ hiện trạng thửa đất thể hiện diện tích đất tăng lên so với sổ mục kê và GCNQSDĐ cấp cho cụ H là do sai số khi đo đạc, không có sự lấn chiếm đất của các hộ liền kề.

[2.2] Xác định hàng thừa kế:

Cụ Lê Viết V và cụ Bùi Thị N có 4 người con chung là: bà Lê Thị Ng 1, bà Lê Thị Ng (tức Ng ), bà Lê Thị Nhắm, bà Lê Thị NH3(đã chết năm 2000, chết sau cụ V và cụ N ), bà NH3có chồng là ông Lê Văn THn(đã có ý kiến từ chối nhận di sản) nên các con của bà NH3là ông Lê Văn T1, ông Lê Văn T2,

ông Lê Văn T3, ông Lê Văn T4, ông Lê Văn K1, ông Lê Văn K được hưởng thừa kế của bà Nhất.

Theo lời K1i của các đương sự thì năm 1981, ông Lê Viết V (con cụ Phạm Thị H) đến nhận là con riêng của cụ Lê Viết V và xin được chịu tang cùng với các anh chị em trong gia đình. Tại phiên tòa sơ thẩm các nguyên đơn cũng đồng ý xác nhận ông Lê Viết V là con của cụ Lê Viết V. Theo giấy K1i sinh do UBND huyện TN cấp ngày 28/12/2018 cho ông Lê Viết V thể hiện họ tên bố là Lê Viết V, họ tên mẹ là Phạm Thị H. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Lê Viết V là con riêng của cụ Lê Viết V là có cơ sở. Ông V không ở với cụ N từ nhỏ, giữa cụ N và ông V không có việc chăm sóc nhau nên ông V chỉ được hưởng di sản của cụ V theo Điều 654 Bộ luật Dân sự. Đối với cụ Phạm Thị H: Theo lời K1i của các đương sự và xác minh tại địa phương: Cụ V và cụ N đang tồn tại hôn nhân hợp pháp nên cụ H không được pháp luật công nhận là vợ của cụ V. Mặt khác, việc cụ V có quan hệ tình cảm với cụ H không công K1i, không cưới hỏi theo phong tục tập quán, cụ H sống cùng chồng là cụ Bùi Đỗ Xe ở thôn TG, xã DQ, chứ không chung sống cùng cụ V, cụ N trên diện tích đất tranh chấp nên không phát sinh quan hệ tài sản với cụ V và cụ N. Tại sổ mục kê năm 1985 của xã DQ có ghi chủ sử dụng thửa đất là Lê Viết V, diện tích 890m<sup>2</sup> chính lý sang tên vợ là Phạm Thị H là không đúng sự thật vì cụ V chết năm 1981 nên không thể chuyển quyền sử dụng đất cho cụ H năm 1985 được. Do vậy, cụ H không được hưởng thừa kế của cụ V.

Cụ V chết năm 1981, cụ N chết năm 1985, như vậy: Căn cứ Điều 651 Bộ luật Dân sự xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Viết V gồm: Cụ Bùi Thị N, bà Lê Thị Ng 1, bà Lê Thị Ng , bà Lê Thị Nh, ông Lê Viết V, các con của bà Lê Thị NH3 là các ông Lê Văn T1, Lê Văn T2, Lê Văn T3, Lê Văn T4, Lê Văn K1, Lê Văn K. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Bùi Thị N gồm: Bà Lê Thị Ng 1, bà Lê Thị Ng , bà Lê Thị Nh, các con của bà Lê Thị NH3 là: Lê Văn T1, Lê Văn T2, Lê Văn T3, Lê Văn T4, Lê Văn K1, Lê Văn K.

[2.3] Về Phân chia di sản: Do cụ Lê Viết V và cụ Bùi Thị N chết không để lại di chúc nên di sản là diện tích 900m<sup>2</sup> đất tại thửa số 451, tờ bản đồ số 05, tại xóm Thầu Đầu, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng được chia theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Di sản 900m<sup>2</sup>: 2 (cụ V, cụ N) = 450m<sup>2</sup>.

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 12/8/2020, Hội đồng định giá tài sản quyết định giá trị đất ở giao dịch trên thị trường tại thời điểm xét xử là 15.000.000đ/m<sup>2</sup>. Di sản của cụ V cụ N để lại là 900m<sup>2</sup> x 15.000.000đ = 13.500.000.000 đồng.

Di sản của cụ V: 450m<sup>2</sup> đất :6 kỳ phần (gồm cụ N, bà Nghĩ, bà Ng , bà Nhảm, các con của bà Nhất, ông V) = 75m<sup>2</sup>;

Di sản của cụ N để lại 525m<sup>2</sup> đất : 4 kỷ phần (bà Nghĩ, bà Ng , bà Nhảm, các con của bà Nhất) = 131,25m<sup>2</sup>.

Tổng cộng các thừa kế được hưởng của hai cụ là:

Bà Lê Thị Ng 1: 206,25m<sup>2</sup>.

Bà Lê Thị Ng : 206,25m<sup>2</sup>.

Bà Lê Thị Nh: 206,25m<sup>2</sup>.

Ông Lê Văn T1, ông Lê Văn T2, ông Lê Văn T3, ông Lê Văn T4, ông Lê Văn K1, ông Lê Văn K (con của bà Nhất): 206,25m<sup>2</sup>.

Ông Lê Viết V: 75m<sup>2</sup>.

[2.4] Đối với các tài sản trên đất: Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/8/2020 thể hiện trên đất có 01 ngôi nhà ở kết cấu khung chịu lực bê tông cốt thép hình chữ U mái ngói đỏ, cửa gỗ (xây dựng năm 2007); 01 ngôi nhà ở 3 gian mái bằng (xây dựng năm 2008); 01 gian nhà vệ sinh, 01 bể nước 10m<sup>3</sup>; 01 mái tôn làm bếp và mái tôn trước nhà 3 gian; sau nhà chữ U còn có 01 gian nhà kho để máy phát điện mái bằng; 01 bể nước 40m<sup>3</sup>; sân bê tông lát gạch đỏ và cổng 2 trụ 2 cánh sắt; tường bao lửng thoáng sắt (xây năm 2008) và một số cây trồng.

Theo lời K1i của bà Nghĩ, bà Ng , bà Nhảm thì mỗi bà đóng góp số tiền 200 triệu đồng đưa cho ông V xây nhà cấp 4 để thờ cúng bố mẹ. Còn lại 01 ngôi nhà 3 gian mái bằng, cùng các công trình phụ cũng như cây trồng là do ông Lê Viết C xây dựng, tạo lập để ở và quản lý trông coi di sản.

Ông Lê Viết C K1i ông V gửi về đưa cho ông Lê Văn H2 (là em vợ ông V) đứng ra xây nhà cấp 4 năm 2007; các bà Nghĩ, bà Ng , bà Nhảm có bỏ tiền ra đưa cho ông V hay không thì ông C không biết. Còn lại 01 gian nhà mái bằng 3 gian, mái tôn mạ màu làm bếp và mái tôn trước cửa, sau nhà chữ U, bể nước, nhà kho, sân cổng, tường bao, bể cảnh phun nước, cây trồng và toàn bộ đồ vật dụng thờ cúng trong gian nhà chữ U là do ông và vợ là bà TH1 xây dựng năm 2008 khi ông xây các bà Nghĩ, bà Ng , bà Nhảm đồng ý cho ông xây để ở, sinh hoạt trông coi quản lý gian thờ. Việc xây dựng các công trình nêu trên là do ông thuê ông Nguyễn Văn Dược ở cùng xóm xây dựng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy lời K1i của ông Lê Văn H2 (em vợ ông V). Ông H2 K1i ông là người nhận tiền của ông V, bà T6 và trực tiếp xây dựng các công trình trên đất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu các đương sự cung cấp tài liệu chứng minh nguồn tiền xây dựng các tài sản trên đất. Tuy nhiên, các bà Nghĩ, bà Ng , bà Nhảm, các con bà NH3 cùng ông V, bà T6 đều không xuất trình được căn cứ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu ông H2 (là em vợ ông V) cung cấp tài liệu chứng cứ về việc xây dựng các công trình,

vật kiến trúc trên đất, nhưng ông H2 không hợp tác với Tòa án để thu thập chứng cứ. Tại Biên bản làm việc ngày 18/11/2020, ông Nguyễn Văn Dực K1i được vợ chồng ông C thuê xây dựng các công trình gồm: nhà 01 tầng mái bằng khoảng 50m<sup>2</sup>, bếp, lán, nhà vệ sinh bên ngoài, bể nước, tường bao, 01 gian mái bằng để máy phát điện, sân đồ bê tông, lát gạch, bể nước cảnh và toàn bộ cây cối trên đất (bút lục 201). Hội đồng xét xử nhận thấy: Lời K1i của ông C (là người trông coi quản lý đất) phù hợp với lời K1i của ông Lê Văn H2 là người trực tiếp chi trả tiền xây dựng, phù hợp với lời K1i của các nguyên đơn về việc ông V là người bỏ tiền ra xây dựng, và phù hợp với lời K1i của ông Nguyễn Văn Dực là người trực tiếp xây dựng ngôi nhà 3 gian và các công trình phụ cho ông C, nên có cơ sở xác định ông V là người xây 01 nhà chính cấp 4 hình chữ U 200m<sup>2</sup> khung chịu lực kiên cố cửa gỗ, mái bằng, lợp ngói đỏ (hiện đang là gian nhà thờ), công trình phụ trong nhà tắm, nhà vệ sinh, bể nước sau nhà chữ U. Theo kết quả định giá nhà chính chữ U và công trình phụ có giá trị tại thời điểm xét xử là 567.560.000đ; bể nước sau nhà chữ U là 14.600.000 đồng. Tổng là: 581.560.000 đồng. Ông C và bà TH1 là người bỏ tiền xây dựng 01 gian nhà mái bằng 3 gian, mái tôn mạ màu làm bếp và mái tôn trước cửa, sau nhà chữ U, bể nước, nhà kho, sân công, tường bao, bể cảnh phun nước, cây trồng và toàn bộ đồ vật dụng thờ cúng trong gian nhà chữ U. Tại phiên tòa sơ thẩm ông C và bà TH1 yêu cầu các thừa kế phải thanh toán cho vợ chồng ông tiền thù lao, công sức trông coi quản lý nhà đất và tiền xây dựng nhà và toàn bộ vật kiến trúc như nêu trên (trừ cây trồng và đồ thờ ông để thờ cúng) số tiền là 700.000.000đ. Các nguyên đơn bà Nghi, bà Ng, bà Nhâm nhất trí đồng ý thanh toán cho ông C, bà TH1 số tiền là 700.000.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các nguyên đơn và bị đơn là đúng pháp luật. Ông V không đồng ý với thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn vì cho rằng ông V là người bỏ tiền xây toàn bộ công trình trên đất, ông C không phải là người xây dựng tạo lập tài sản trên đất. Tuy nhiên, ông V không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc tạo lập đối với các tài sản là 01 gian nhà mái bằng 3 gian, mái tôn mạ màu làm bếp và mái tôn trước cửa, sau nhà chữ U, bể nước, nhà kho, sân công, tường bao, bể cảnh phun nước, cây trồng nên yêu cầu Kng cáo của ông V là không có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Phân chia di sản bằng hiện vật: Trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn thỏa thuận nhận chung diện tích đất, để giữ nguyên gian thờ cúng tổ tiên, các con của bà NH3 là ông T1, ông T2, ông T3, ông T4, ông K1, ông K đều đồng ý và có ý kiến phân đất các ông được hưởng thừa kế của bà NH3 sẽ nhận bằng tiền. Hội đồng xét xử xét thấy hiện ông V cùng gia đình cư trú và sinh sống ổn định tại Anh Quốc; theo sơ đồ hiện trạng thì trên toàn bộ diện tích đất có công trình xây dựng nhà kiên cố và công trình phụ, nhất là đang tồn tại gian thờ cúng. Để đảm bảo sự kiên cố cho các công trình xây dựng, phù hợp nguyện vọng của các đương sự sử dụng đất làm nhà thờ cúng, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm quyết định: Giao cho các nguyên đơn là bà Lê Thị Ng 1, bà Lê Thị Ng, bà

Lê Thị Nh diện tích 900m<sup>2</sup> đất, thửa số 451 tờ bản đồ số 05 địa chỉ thôn Thầu Đâu, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng trên đất có 01 nhà cấp 4 hình chữ U và công trình phụ, 01 bể nước sau nhà chữ U (do ông V và bà T6 xây) và 01 nhà mái bằng 3 gian và toàn bộ công trình phụ vật kiến trúc Kc (do ông C và bà TH1 xây. Bà Lê Thị Ng 1, bà Lê Thị Ng , bà Lê Thị Nh phải có trách nhiệm: Thanh toán tracho ông Lê Viết V số tiền 1.125.000.000 đồng trị giá 75m<sup>2</sup> đất do ông V được hưởng thừa kế, trả cho ông V bà T6 số tiền 581.560.000 đồng do ông V và bà T6 bỏ tiền xây, tổng cộng là: 1.707.160.000 đồng; thanh toán trả cHnh Lê Văn T1, anh Lê Văn T2, anh Lê Văn T3, anh Lê Văn T4, anh Lê Văn K1, Lê Văn K (con của bà Nhất) số tiền 3.093.750.000đ trị giá 206,25m<sup>2</sup> đất là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự.

Tại cấp phúc thẩm, ông V, bà T6 và ngườiđại diện theo ủy quyền củaông V, bà T6không xuất trình thêm tình tiết hoặc tài liệu, chứng cứ mới. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập để xác định đúng di sản thừa kế, hàng thừa kế và quyết định chia thừa kế đúng pháp luật. Đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc không chấp nhận Kng cáo của ông Lê Viết V, bà Lê Thị T6và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở, được chấp nhận.

[3] Về án phíphúc thẩm: Do ông Lê Viết V, bà Lê Thị T6là người cao tuổi thuộc diện được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T6ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định ông Lê Viết V, bà Lê Thị T6 được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Lê Viết V, bà Lê Thị T6số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp mỗi người 300.000đ theo các Biên lai số 0018851và 0018852 cùng ngày 05/4/2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

[4] Các quyết định Kc của bản án sơ thẩm không có Kng cáo, Kng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn Kng cáo, Kng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T6ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận Kng cáo của người có quyền lợi, N vụ liên quan là ông Lê Viết V, bà Lê Thị T6và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2020/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Viết V, bà Lê Thị T6 được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Lê Viết V, bà Lê Thị T6 số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp mỗi người 300.000đ theo các Biên lai số 0018851 và 0018852 cùng ngày 05/4/2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Các quyết định Kc của bản án sơ thẩm không có Kng cáo, Kng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn Kng cáo, Kng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Thúy Bình**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thế Lê Nguyễn Tất Nam**

**Lê Thị Thúy Bình**

